

Bản án số: 17/2019/HNGĐ-ST

Ngày 21-5-2019

“V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quân.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Hợi và ông Phạm Xuân Sang

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Đạo - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 43/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2019 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/5/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Vũ Thị H**, sinh năm 1987;

ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: thôn L, xã L, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

2. *Bị đơn:* Anh **Phạm Văn T**, sinh năm 1978;

ĐKKHKT: thôn T, xã A, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

Chị H có mặt, anh T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các tài liệu khác có tại hồ sơ, nguyên đơn chị Vũ Thị H trình bày:*

+ Về hôn nhân: Chị và anh Phạm Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã A ngày 17/11/2006. Sau khi kết hôn, chị và anh T cùng nhau ra Quảng Ninh thuê nhà trọ làm ăn, sinh sống. Tuy nhiên do anh T chơi bời nên làm được bao nhiêu tiêu hết bấy nhiêu, không đưa tiền cho chị để chi phí sinh hoạt và nuôi con, vợ chồng liên tục xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống không có hạnh phúc. Do không làm ăn được tại Quảng Ninh nên khoảng giữa năm

2012, vợ chồng đưa nhau về quê anh T làm ăn, sinh sống. Mặc dù chỉ một thời gian ngắn nhưng vợ chồng liên tục xảy ra mâu thuẫn, anh T không chịu làm ăn gì, chị làm gì gia đình nhà chồng cũng để ý, không bằng lòng và luôn chì chiết, tạo không khí căng thẳng, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Do cuộc sống không có hạnh phúc, trong gia đình không ai nói với ai, căng thẳng kéo dài nên cuối năm 2012, chị đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ chị ở xã L, huyện Kinh Môn sinh sống cho đến nay, vợ chồng ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T để hai bên sớm ổn định cuộc sống.

+ Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Phạm Hà M, sinh ngày 27/5/2009 hiện đang ở với chị. Chị xin được nuôi dưỡng con chung cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và tự nguyện không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đến gia đình anh T để tổng đạt trực tiếp Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập và các văn bản tố tụng khác của Tòa án cho bị đơn nhưng anh T không có mặt ở nhà. Tòa án đã giao Thông báo thụ lý vụ án cho ông Phạm Văn B và bà Nguyễn Thị T (là bố mẹ đẻ anh T) nhận thay, ông B, bà T đã thông báo cho anh T biết toàn bộ nội dung Thông báo thụ lý vụ án của TAND huyện Tứ Kỳ, các tài liệu kèm theo đơn khởi kiện của chị H và giấy triệu tập anh T đến Tòa án làm việc.

Kết quả làm việc với ông Bốn, bà Tẩy xác định: Chị H và anh T kết hôn được tự do tìm hiểu, tự nguyện có đăng ký kết hôn theo quy định. Sau khi kết hôn, anh T làm nghề lái xe, còn chị H đi làm công ty, vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2012 xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T bị bệnh thoát vị đĩa đệm phải nằm ở nhà, không đi làm ăn được, chị H thấy chồng ốm nhưng không chăm sóc, không đưa đi khám bệnh sau đó chị H đã thu dọn quần áo về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng ly thân, chị H không quay về đoàn tụ vợ chồng nữa. Thời gian đầu khi sống ly thân, anh T chán nản cộng với làm ăn thua lỗ nên thường xuyên uống rượu, bỏ bê công việc. Sau đó được gia đình động viên, anh T đã tu chí đi làm ăn. Hiện anh T đang làm thuê cho các công trình ở thành phố Hải Phòng, thỉnh thoảng có về thăm nhà rồi lại đi làm. Khi Tòa án về gia đình giao Thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập cho anh T, ông bà đã thông báo cho anh T biết toàn bộ nội dung vụ việc và yêu cầu anh T về Trụ sở Tòa án để giải quyết việc ly hôn theo giấy triệu tập của Tòa án, anh T có quan điểm thông qua ông bà để cung cấp lại cho Tòa án là nhất trí ly hôn chị H, do công việc bận không về được nên đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật và nhất trí để chị H trực tiếp nuôi con, về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án, ông bà có trách nhiệm nhận thay và cam đoan giao lại cho anh T. **Toà án đã ra quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập anh T đến phiên toà vào hồi 09 giờ, ngày 03-5-2019 nhưng anh T vắng mặt. Toà án hoãn phiên toà và triệu tập anh**

T đến phiên toà vào hồi 10 giờ 00 phút ngày 21-5-2019, nhưng tại phiên toà anh T vắng mặt.

Tòa án tiến hành làm việc với lãnh đạo UBND xã A, đại diện Hội Liên hiệp Phụ nữ và Cán bộ lao động thương binh xã hội xã A và Trưởng thôn T để xác minh tình trạng hôn nhân của chị H, anh T, đều được cung cấp: Chị H, anh T kết hôn với nhau trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo luật định. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc đến cuối năm 2012 xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T bị đau ốm không ra ngoài làm ăn được mà ở nhà chăn nuôi, do làm ăn thua lỗ nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Chị H chán nản bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống cho đến nay, vợ chồng ly thân. Còn anh T sau đó đi làm ăn ở Hải Phòng thỉnh thoảng về nhà thăm bố mẹ. Khi chị H làm đơn xin ly hôn, chính quyền thôn Thanh Kỳ đã gặp trực tiếp anh T để trao đổi, quan điểm của anh T nhất trí ly hôn chị H, do phải đi làm thuê, công việc bận nên không về Tòa án làm việc được, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Do vợ chồng chị H, anh T đã sống ly thân nhiều năm, nay chị H xin ly hôn anh T và có nguyện vọng được nuôi con, đề nghị Tòa án căn cứ đơn của chị H và ý kiến của anh T để giải quyết theo quy định của pháp luật cho các bên sớm ổn định cuộc sống.

Tại phiên toà, chị H vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

Đại diện VKSND huyện Tứ Kỳ tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà và của những người tham gia tố tụng đến trước thời điểm HĐXX nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 51, Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228; Điều 147 BLTTDS; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ... án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Vũ Thị H được ly hôn anh Phạm Văn T; Về con chung: Giao cho chị Vũ Thị H được nuôi dưỡng con chung Phạm Hà M, sinh ngày 27/5/2009 cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị H không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Chị Vũ Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm;

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Phạm Văn T được Tòa án triệu tập đến tham gia phiên toà hợp lệ lần thứ 2 nhưng đều vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về hôn nhân: Chị Vũ Thị H và anh Phạm Văn T kết hôn trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện Tứ Kỳ ngày 17/11/2006 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2012 thì xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do không hợp nhau trong cách sống, sinh hoạt, bất đồng quan điểm. Theo chị H trình bày: anh T chơi bời, không chịu làm ăn gì, vợ chồng hay xảy ra chiến tranh lạnh (tức là không ai nói với ai) diễn ra một thời gian dài, khiến cuộc sống lúc nào cũng căng thẳng. Do không thể chịu đựng được cuộc sống không có hạnh phúc nên chị đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng ly thân từ năm 2013 đến nay đã 6 năm, không quan tâm gì đến nhau. Căn cứ vào các tài liệu Toà án thu thập được xác định anh T đã được bố mẹ đẻ, đoàn thể ở địa phương thông báo về việc Toà án nhân dân huyện Tứ Kỳ đang giải quyết vụ án ly hôn, giải quyết về con chung theo đơn khởi kiện của chị H. Anh T biết Toà án đang giải quyết vụ án ly hôn theo yêu cầu của chị H và yêu cầu anh T đến Toà án làm việc theo các văn bản tố tụng đã được giao cho người thân, thông qua gia đình anh T đã bày tỏ ý kiến, quan điểm xác định tình cảm vợ chồng không còn, nhất trí ly hôn chị H. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định tình trạng hôn nhân giữa chị H, anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị H được ly hôn anh T là phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình để hai bên sớm ổn định cuộc sống.

[3] Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Phạm Hà M, sinh ngày 27/5/2009, hiện đang ở với chị H. Chị H đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và tự nguyện không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu của chị H thấy rằng: Tính đến ngày xét xử, cháu M đã trên 7 tuổi và có nguyện vọng xin được ở với mẹ, theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân gia đình quy định *“Con từ đủ 07 tuổi trở lên phải xem xét nguyện vọng của con”*. Do cháu M đang ở với chị H có cuộc sống, học tập ổn định. Hiện chị H làm công nhân có mức thu nhập trung bình hàng tháng từ 6 triệu đến 7 triệu đồng và có nơi ở ổn định. Thông qua gia đình, anh T cũng nhất trí để chị H tiếp tục nuôi dưỡng con chung, đại diện các ban ngành đoàn thể xã A và bố mẹ đẻ anh T có quan điểm đề nghị Tòa án tiếp tục giao con cho chị H nuôi dưỡng, bố mẹ chị H cũng cam kết sẽ hỗ trợ chị H nuôi con với những điều kiện tốt nhất. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt và sự phát triển của con chung, Toà án giao cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là phù hợp. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị H không yêu cầu nên Toà án không giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Vũ Thị H khởi kiện vụ án hôn nhân gia đình nên phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ...án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ... án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị H được ly hôn anh Phạm Văn T.

2. Về con chung: Giao cho chị Vũ Thị H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Phạm Hà M, sinh ngày 27/5/2009 cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị H về việc không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Vũ Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được đối trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ, theo biên lai số AA/2017/0005020 ngày 06/3/2019.

4. Về quyền kháng cáo: Chị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, anh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tứ Kỳ;
- Chi cục THA dân sự huyện Tứ Kỳ;
- UBND xã A, huyện Tứ Kỳ;
- UBND xã L, huyện Kinh Môn;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Văn Quân

